TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1976. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Diệu, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Xóm Rẩy, xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2020 trong qúa trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông với bà D chung sống vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà D tự ý bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân khoảng 02 năm nay. Sau đó bà D làm bản thỏa thuận xác định vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi. Nay, ông xác định tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trong, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông với bà D là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Chí N , sinh ngày 10/02/1999. Cháu N đã trưởng thành, không hạn chế về khả năng lao động nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Nhật D , sinh ngày 01/5/2010, hiện đang sống cùng ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu D , không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị D : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà D theo quy định pháp luật, nhưng bà D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Bà Huỳnh Thị D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà D vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D .

[2] *Về hôn nhân.* Ông B với bà D chung sống vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ông B cho rằng, quá trình chung sống bà D tự ý bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân khoảng 02 năm nay. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà D nên yêu cầu Tòa án tuyến bố không công nhận mối quan hệ giữa ông với bà D là vợ chồng. Do ông B với bà D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông B .

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Nguyễn Nhật D , sinh ngày 01/5/2010, hiện cháu D đang sống cùng ông B . Khi ly hôn ông B yêu cầu nuôi cháu D , không yêu cầu bà D cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; ...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vong của cháu D vào ngày 27/02/2020 cháu D có nguyện vong ở với cha là ông B . Do đó, cần giao cháu D cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông Bằng chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] *Về nợ:* Ông B xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị D .

2. Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Nhật D , sinh ngày 01/5/2010 cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Huỳnh Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông B chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010296 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Văn và ông Nguyễn Văn Hiển.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1976.
- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Diệu, sinh năm 1980.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật căn cứ:

- Căn cứ vào 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Bằng và bà Huỳnh Thị Diệu.

Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Nhật Duy, sinh ngày 01/5/2010 cho ông Bằng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Huỳnh Thị Diệu có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông Bằng không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

3. Các vấn đề khác:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Bằng phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010296 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông Bằng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về kháng cáo:

Ông Bằng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Diệu có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**